[SRT]

中文：等一下您會聽到不同音量的字詞，請您不管聽到什麼，都跟著複誦；如果您聽不清楚，請您盡量猜猜看。

英文：You are going to hear a series of words that may vary in volume. Please repeat each word as soon as you hear it. If you are not sure of the word that you heard, you may guess.

日文：あなたは、異なるボリュ-ムの用語を聞くことができます。何が聞こえるあっても、繰り返してください。はっきり聞こえないすれば、推測してみてください。

越南文：Đợi chút bạn sẽ nghe thấy những từ ngữ với tiếng to nhỏ khác nhau, bất kể là bạn nghe thấy gì đều đọc theo. Nếu bạn nghe không rõ thì bạn hãy cố gắng đoán xem.

印尼文：Anda akan mendengar serangkaian kata-kata dengan volume suara yang bervariasi. Silakan ulangi setiap kata segera setelah Anda mendengarnya. Jika Anda tidak yakin dengan kata yang Anda dengar, Anda boleh menebaknya.

泰文：คุณกาลังจะได้ยินกลุ่มคาที่มีระดับความดังของเสียงต่างกัน ทันทีที่คุณได้ยินเสียงคาพูด กรุณาพูดตามคานั้น ถ้าคุณไม่แน่ใจคานั้น คุณสามารถคาดเดาได้

[SRT + 遮蔽]

中文：等一下您有一邊耳朵會聽到沙沙聲的噪音，另一邊耳朵聽到一些字詞，請您不要理會噪音沙沙聲，專心複誦您聽到的字詞就好。

英文：During this part of the test you will hear a noise in one ear and words in the other. Ignore the noise and repeat each word when you hear it.

日文：テストのこの部分の間、あなたは片方の耳がカサカサ音を聞くことができます。反対側の耳にいくつの単語を聞きますと、カサカサ音を無視して、聞こえるのたんごを繰り返しに集中しなさい。

越南文：Đợi chút một bên tai bạn sẽ nghe thấy những tạp âm lẹt xẹt, bên tai kia sẽ nghe thấy có những từ ngữ. Bạn đừng để tâm đến những tạp âm, mà hãy chú ý nghe và đọc theo các từ ngữ mà bạn nghe được.

印尼文：Pada bagian test ini Anda akan mendengar suara bising di satu telinga dan kata-kata di telinga yang lain. Abaikan suara bising tersebut dan ulangi setiap kata ketika Anda mendengarnya.

泰文：ในการทดสอบส่วนนี้คุณจะได้ยินเสียงรบกวนในหูข้างหนึ่ง ส่วนหูอีกข้างหนึ่งคุณจะได้ยินคาพูด ทันทีที่คุณได้ยินเสียงคาพูด กรุณาพูดตามคานั้น และพยายามอย่าใส่ใจกับเสียงรบกวน

[SRT + 遮蔽，2]

中文：等一下您有一邊耳朵會聽到沙沙聲的噪音，另一邊耳朵聽到一些字詞，請您盡可能不要理會噪音沙沙聲，盡量專心聽字詞的部份就好。每次當您聽到字詞，請您馬上跟著複誦；如果您聽不清楚，請您盡量猜猜看。如果您聽不清楚也完全沒辦法猜測，請保持安靜等待下一個字詞。

英文：During this part of the test you will hear a noise in one ear and words in the other. Do your best to ignore the noise and listen only to the words. Each time you hear a word, please repeat it. If you are unsure of what the word was you may have to guess. If you did not understand the word, and you are not able to guess, please remain silent and wait for the next word.

日文：テストのこの部分の間、あなたは片方の耳がカサカサ音を聞くことができます、反対側の耳にかの單語をきくために、ノイズの擦れる音を無視しように、部分の單語を聞く事に集中しましょう。あなたは單語を聞くたびに、直ちに繰り返してください；はっきり聞こえない場合では、推測してみてください。はっきり聞こえないし、推測もできないすれば、静かにして、つぎの用語をお待ちください。

越南文：Đợi chút một bên tai bạn sẽ nghe thấy những tạp âm lẹt xẹt, bên tai kia sẽ nghe thấy một số từ ngữ. Bạn hãy cố gắng đừng để ý đến những tạp âm, mà hãy chuyên tâm nghe lấy một phần các từ ngữ đó. Mỗi lần bạn nghe thấy từ nào thì hãy lập tức đọc lại theo, nếu bạn nghe không rõ thì hãy cố gắng đoán xem. Nếu bạn hoàn toàn nghe không rõ và cũng không thể đoán ra được thì hãy giữ im lặng đợi đến từ ngữ tiếp sau.

印尼文：Pada bagian test ini Anda akan mendengar suara bising di satu telinga dan kata-kata di telinga yang lain. Coba sebisanya untuk mengabaikan suara bising tersebut dan mendengarkan hanya kata-kata yang dibacakan. Setiap kali Anda mendengar satu kata, silakan ulangi kata tersebut. Jika Anda tidak yakin apakah kata tersebut, Anda mungkin harus menebaknya. Jika Anda tidak mengerti kata tersebut dan tidak mampu menebaknya, silakan tetap diam dan tunggu kata berikutnya.

泰文：ในการทดสอบส่วนนี้คุณจะได้ยินเสียงรบกวนในหูข้างหนึ่ง ส่วนหูอีกข้างหนึ่งคุณจะได้ยินเสียงคาพูด ทันทีที่คุณได้ยินเสียงคาพูด กรุณาพูดซ้าคานั้น พยายามอย่าใส่ใจกับเสียงรบกวน ถ้าคุณไม่แน่ใจคานั้น คุณสามารถคาดเดาได้ แต่ถ้าคุณไม่สามารถที่จะคาดเดาได้ กรุณาปล่อยไว้ แล้วรอคาต่อไป

[PTA + 舉手]

中文：等一下您會聽到各種不同高低的嗶嗶嘟嘟聲，每次您有聽到這種聲音，請您馬上舉手，聲音停止後再請您立刻將手放下。只要您覺得有聽到聲音就請您舉手，就算似有似無聽不清楚也請您舉手。

英文：You are going to hear a series of sounds which will vary in pitch. When you hear the tone, immediately raise your hand. Put your hand down as soon as the sound goes off. Raise your hand if you think you hear the tone, even if you are not sure.

日文：あなたは、ハイとローのビープ音の様々な音が聞こえます、この音を聞いたことがあるたびに、すぐに手を上げてください。音は中止すると、すぐ手をダウンしてください。音を聞くと思う限り、手を上げてください。はっきり聞こえないの場合はてをもあげてください。

越南文：Đợi chút bạn sẽ nghe thấy các tiếng bíp bíp cao thấp khác nhau, mỗi lần nghe thấy những tiếng này thì bạn hãy giơ tay lên, khi âm thanh kết thúc thì bạn lại đặt tay xuống. Chỉ cần bạn cảm thấy có nghe thấy âm thanh thì liền giơ tay, kể cả cảm giác nghe có nghe thấy mà không rõ thì cũng giơ tay lên.

印尼文：Anda akan mendengar serangkaian suara dengan titinada yang bervariasi. Ketika Anda mendengar nada tersebut, segera angkat tangan Anda. Letakkan tangan Anda segera setelah suara tersebut hilang. Angkat tangan Anda jika Anda pikir Anda mendengar nada tersebut, meskipun Anda tidak yakin.

泰文：คุณกาลังจะได้ยินกลุ่มเสียงที่มีระดับเสียงสูงต่าแตกต่างกัน ทันทีที่คุณได้ยินเสียง กรุณายกมือขึ้น ถึงแม้ว่าคุณจะไม่แน่ใจว่าคุณได้ยินเสียงนั้นก็ตาม เมื่อเสียงนั้นดับลง กรุณาวางมือลง

[PTA + 按鈕]

中文：等一下您會聽到各種不同高低的嗶嗶嘟嘟聲，每次您有聽到這種聲音，請您馬上按按鈕，聲音停止後再請您立刻將按鈕放開。只要您覺得有聽到聲音就請您按按鈕，就算似有似無聽不清楚也請您按按鈕。

英文：You are going to hear a series of tones which will vary in pitch. When you hear a sound, immediately press the button. Stop pushing the button when the tone goes off. Push the button if you think you hear the sound, even if you are not sure.

日文：あなたは、ハイとローのビープ音の様々な音が聞こえます、この音を聞いたことがあるたびに、すぐにボタンを押してください。サウンド中止すると、すぐボタンを離してください。音を聞くと思う限り、ボタンを押してください。はっきり声が聞こえないの場合はボタンも押してください。

越南文：Đợi một chút bạn sẽ nghe thấy các tiếng bíp bíp cao thấp khác nhau, mỗi lần bạn nghe thấy âm thanh này thì bạn hãy lập tức bấm nút, khi âm thanh kết thúc thì bạn lập tức thả tay ra. Chỉ cần bạn cảm thấy có nghe thấy âm thanh là bấm nút, kể cả nghe nhưng không rõ ràng cũng cứ bấm nút.

印尼文：Anda akan mendengar serangkaian nada-nada dengan titinada yang bervariasi. Ketika Anda mendengar suara, segera tekan tombol. Berhentilah menekan tombol jika nada tersebut berhenti. Tekan tombol jika Anda pikir Anda mendengar suara tersebut, meskipun Anda tidak yakin.

泰文：คุณกาลังจะได้ยินกลุ่มเสียงที่มีระดับเสียงสูงต่าแตกต่างกัน ทันทีที่คุณได้ยินเสียง กรุณากดปุ่ม ถึงแม้ว่าคุณจะไม่แน่ใจว่าคุณได้ยินเสียงนั้นก็ตาม เมื่อเสียงนั้นดับลง กรุณายกนิ้วออกจากปุ่ม

[PTA + 遮蔽 + 舉手]

中文：等一下您有一邊耳朵會聽到沙沙噪音聲，另一邊耳朵聽到嗶嗶嘟嘟聲，請您不要理會沙沙噪音聲，當您有聽到嗶嗶嘟嘟聲再請您舉手。

英文：During this part of the test you will hear noise in one ear and tones in the other. Ignore the noise and raise your hand when you hear the tone.

日文：テストのこの部分の間、あなたは、片方の耳がカサカサ音を聞くことができ、反対側の耳にビ-プ音を聞こえます。カサカサ音を無視して、ビープ音を聞いたら、手を上げてください。

越南文：Đợi chút một bên tai bạn nghe thấy tiếng tạp âm lẹt xẹt, bên tai kia nghe thấy tiếng bíp bíp, bạn đừng để ý đến tạp âm, mà bạn hãy chú ý nếu nghe thấy tiếng bíp bíp thì hãy giơ tay lên.

印尼文：Pada bagian test ini Anda akan mendengar suara bising di satu telinga dan nada di telinga yang lain. Abaikan suara bising tersebut dan angkat tangan Anda jika Anda mendengar nada.

泰文：ในการทดสอบส่วนนี้คุณจะได้ยินเสียงรบกวนในหูข้างหนึ่ง ส่วนหูอีกข้างหนึ่งคุณจะได้ยินเสียงปกติ ทันทีที่คุณได้ยินเสียง กรุณายกมือขึ้น และพยายามอย่าใส่ใจกับเสียงรบกวน

[PTA + 遮蔽 + 按鈕]

中文：等一下您有一邊耳朵會聽到沙沙噪音聲，另一邊耳朵聽到嗶嗶嘟嘟聲，請您不要理會沙沙噪音聲，當您有聽到嗶嗶嘟嘟聲再請您按按鈕。

英文：During this part of the test you will hear noise in one ear and tones in the other. Ignore the noise and press the button when you hear a tone.

日文：あなたは、片方の耳がカサカサ音を聞くことができ、反対側の耳、ビ-プ音が聞こえます。カサカサのノイズを無視して、ビ-プ音を聞いたら、ボタンを押しください。

越南文：Đợi một chút một bên tai bạn sẽ nghe thấy những tiếng tạp âm lẹt xẹt, bên tai kia nghe thấy tiếng bíp bíp, bạn đừng để ý đến những tạp âm, mà chú ý khi nghe thấy tiếng bíp bíp thì hãy lập tức bấm nút.

印尼文：Pada bagian test ini Anda akan mendengar suara bising di satu telinga dan nada di telinga yang lain. Abaikan suara bising dan tekan tombol jika Anda mendengar nada.

泰文：ในการทดสอบส่วนนี้คุณจะได้ยินเสียงรบกวนในหูข้างหนึ่ง ส่วนหูอีกข้างหนึ่งคุณจะได้ยินเสียงปกติ ทันทีที่คุณได้ยินเสียง กรุณากดปุ่ม และพยายามอย่าใส่ใจกับเสียงรบกวน